

Số: **26** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **10** tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện các Dự án thành phần số 2, 4, 5, 6, 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung chỉ tiêu và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) và cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đã giao kế hoạch giai đoạn 05 năm (2021-2025) cho từng địa phương thực hiện Dự án 1 tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND cho phù hợp với định mức quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg.

Điều 2. Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển (phần vốn phân bổ sau) là 104.900 triệu đồng, để thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình, giai đoạn 05 năm (2021 - 2025), cụ thể:

1. Phân bổ 75.775 triệu đồng (NSTW là 71.775 triệu đồng; NST là 4.000 triệu đồng) để thực hiện 02 dự án ổn định dân cư tại xã Ea Hiu và xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc;

2. Phân bổ sau 29.125 triệu đồng (NSTW là 28.125 triệu đồng; NST là 1.000 triệu đồng).

Điều 3. Thống nhất cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện các Dự án thành phần số 1, 2, 4, 5, 6, 7 thuộc Chương trình.

(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, Y tế, GD&ĐT, VH-TTDL, LĐTBXH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Đắk Lắk;
- TT Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Ct HĐND.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I

CẬP NHẬT CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số **26** /NQ-HĐND ngày **10** /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng cộng	Trong đó:		
			NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG SỐ	2.308.675	2.052.252	220.000	36.273	150	2.272.252	2.052.252	220.000	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	133.500	121.500	12.000	-	-	133.500	121.500	12.000	Chi tiết tại PL II, PLIV
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	710.500	668.500	37.000	5.000	-	705.500	668.500	37.000	Chi tiết tại PL III, PL V
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	37.306	34.306	3.000	-	-	37.306	34.306	3.000	
I	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	37.306	34.306	3.000	-	-	37.306	34.306	3.000	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	1.084.474	943.051	110.000	31.273	150	1.053.051	943.051	110.000	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.084.474	943.051	110.000	31.273	150	1.053.051	943.051	110.000	Chi tiết tại PL VI
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	172.900	142.900	30.000	-	-	172.900	142.900	30.000	
I	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	172.900	142.900	30.000	-	-	172.900	142.900	30.000	Chi tiết tại PL VII
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	53.000	48.000	5.000	-	-	53.000	48.000	5.000	Chi tiết tại PL VIII
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	79.900	59.900	20.000	-	-	79.900	59.900	20.000	Chi tiết tại PL IX
VIII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	37.095	34.095	3.000	-	-	37.095	34.095	3.000	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng cộng	Trong đó:		
			NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	37.095	34.095	3.000			37.095	34.095	3.000	

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAO THỰC HIỆN DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10 /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Dự án/Tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/8/2022			Điều chỉnh						Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Giảm (-)		Tổng số	Tăng (+)		Tổng số	Trong đó:		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó:		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				
							Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG	133.500	121.500	12.000	18.780,0	9.390,0	9.390,0	18.780,0	9.390,0	9.390,0	133.500,0	121.500,0	12.000,0	
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	760	760		80	80,0		80,0		80,0	760,0	680,0	80,0	
2	Thị xã Buôn Hồ	2.950	2.950		270	270,0		270,0		270,0	2.950,0	2.680,0	270,0	
3	Huyện Ea H'leo	4.410	4.410		410	410,0		410,0		410,0	4.410,0	4.000,0	410,0	
4	Huyện Ea Súp	9.890	9.890		835	835,0		835,0		835,0	9.890,0	9.055,0	835,0	
5	Huyện Buôn Đôn	16.600	16.600		1.410	1.410,0		1.410,0		1.410,0	16.600,0	15.190,0	1.410,0	
6	Huyện Cư M'gar	5.830	5.830		550	550,0		550,0		550,0	5.830,0	5.280,0	550,0	
7	Huyện Krông Búk	3.160	3.160		320	320,0		320,0		320,0	3.160,0	2.840,0	320,0	
8	Huyện Krông Năng	10.160	10.160		960	960,0		960,0		960,0	10.160,0	9.200,0	960,0	
9	Huyện Ea Kar	10.760	10.760		1.000	1.000,0		1.000,0		1.000,0	10.760,0	9.760,0	1.000,0	
10	Huyện M'Drắk	9.910	9.910		833	832,5		832,5		832,5	9.910,0	9.077,5	832,5	
11	Huyện Krông Bông	8.300	8.300		1.098	1.098,0		1.098,0		1.098,0	8.300,0	7.202,0	1.098,0	
12	Huyện Krông Pắc	13.110	13.110		1.060	1.060,0		1.060,0		1.060,0	13.110,0	12.050,0	1.060,0	
13	Huyện Krông Ana	5.620	5.620		372	372,0		372,0		372,0	5.620,0	5.248,0	372,0	
14	Huyện Lắk	28.410	16.410	12.000	9.390		9.390,0	9.390,0	9.390,0		28.410,0	25.800,0	2.610,0	
15	Huyện Cư Kuin	3.630	3.630		193	192,5		192,5		192,5	3.630,0	3.437,5	192,5	

Đơn vị tính: triệu đồng

Phụ lục III

PHÂN BỐ CHI TIẾT PHẦN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỂ LẠI PHÂN BỐ SAU THỰC HIỆN DỰ ÁN 2 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số **26** /NQ-HĐND ngày **10** /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTP nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng số	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
TỔNG SỐ						109.900	99.900	5.000	5.000	-	104.900	99.900	5.000	
I	Phân bổ chi tiết vốn ĐTP để lại phân bổ sau (104.900 triệu đồng) thực hiện Dự án 2 để đầu tư 02 dự án trên địa bàn huyện Krông Pắc					80.775	71.775	4.000	5.000	-	75.775	71.775	4.000	
1	Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	Buôn Ea Mao, Kon Hring, Kon Tay, Cư Đrang, xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2024-2025	(i) Công trình giao thông: Gồm 08 tuyến đường GTNT cấp A, B, C với tổng chiều dài khoảng 13,11 km; kết cấu mặt đường BTXM. (ii) Công trình thủy lợi: Đập Yang Blok và hệ thống kênh mương. Bao gồm: + Đập đất đồng chất; + Tràn xả lũ; + Công lấy nước; + Kênh và công trình trên kênh: Kết cấu BTCT, chiều dài khoảng 1 km; + Đường quản lý vận hành.	46.630	39.630	2.000	5.000	-	41.630	39.630	2.000	
2	Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc	Xã Ea Hiu	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2024-2025	(i) Công trình dân dụng: + Nhà văn hoá xã: Nhà cấp III theo thiết kế mẫu. + Sân thể thao xã: Sân bóng chuyền theo thiết kế mẫu. + Hạ tầng kỹ thuật (công, hàng rào, nền sân,...). (ii) Công trình thủy lợi: Gồm 03 tuyến kênh, với tổng chiều dài khoảng 3,294 km; kết cấu BTCT. (iii) Công trình giao thông: Gồm 07 tuyến đường GTNT cấp A, B với tổng chiều dài khoảng 5,63 km; kết cấu mặt đường BTXM.	34.145	32.145	2.000	-	-	34.145	32.145	2.000	
II	Phân bổ sau					29.125	28.125	1.000	-	-	29.125	28.125	1.000	

Phụ lục IV

CẬP NHẬT DANH MỤC NỘI DUNG HỖ TRỢ TỪ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 1 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10 /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa phương/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch vốn ĐPTT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG				133.500,0	121.500,0	12.000,0	
1	THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT				760,0	680,0	80,0	
a	Hỗ trợ đất ở	TP BMT	2023 - 2025	1 hộ	44,0	40,0	4,0	
b	Hỗ trợ nhà ở	TP BMT	2023 - 2025	16 hộ	716,0	640,0	76,0	
2	THỊ XÃ BUÔN HỒ				2.950,0	2.680,0	270,0	
a	Hỗ trợ đất ở	TX Buôn Hồ	2023 - 2025	23 hộ	1.012,0	920,0	92,0	
b	Hỗ trợ nhà ở	TX Buôn Hồ	2023 - 2025	44 hộ	1.938,0	1.760,0	178,0	
3	HUYỆN EA H'LEO				4.410,0	4.000,0	410,0	
a	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Ea H'leo	2023 - 2025	100 hộ	4.410,0	4.000,0	410,0	
4	HUYỆN EA SÚP				9.890,0	9.055,0	835,0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Ea Súp	2023 - 2025	167 hộ	7.348,0	6.680,0	668,0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Ea Súp	2023 - 2025	38 hộ	1.687,0	1.520,0	167,0	
c	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện Ea Súp	2023 - 2025	38 hộ	855,0	855,0	-	

STT	Địa phương/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	HUYỆN BUÔN ĐÔN				16.600.0	15.190.0	1.410.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Buôn Đôn	2023 - 2025	47 hộ	2.068.0	1.880.0	188.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Buôn Đôn	2023 - 2025	299 hộ	13.182.0	11.960.0	1.222.0	
c	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện Buôn Đôn	2023 - 2025	60 hộ	1.350.0	1.350.0	-	
6	HUYỆN CƯ M'GAR				5.830.0	5.280.0	550.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Cư M'gar	2023 - 2025	33 hộ	1.452.0	1.320.0	132.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Cư M'gar	2023 - 2025	99 hộ	4.378.0	3.960.0	418.0	
7	HUYỆN KRÔNG BÚK				3.160.0	2.840.0	320.0	
a	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Krông Búk	2023 - 2025	71 hộ	3.160.0	2.840.0	320.0	
8	HUYỆN KRÔNG NĂNG				10.160.0	9.200.0	960.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Krông Năng	2023 - 2025	98 hộ	4.312.0	3.920.0	392.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Krông Năng	2023 - 2025	132 hộ	5.848.0	5.280.0	568.0	
9	HUYỆN EA KAR				10.760.0	9.760.0	1.000.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Ea Kar	2023 - 2025	44 hộ	1.960.0	1.760.0	200.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Ea Kar	2023 - 2025	200 hộ	8.800.0	8.000.0	800.0	
10	HUYỆN M'ĐRẮK				9.910.0	9.077.5	832.5	
a	Hỗ trợ nhà ở	Huyện M'Đrắk	2023 - 2025	205 hộ	9.032.5	8.200.0	832.5	
b	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện M'Đrắk	2023 - 2025	39 hộ	877.5	877.5	-	

STT	Địa phương/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	HUYỆN KRÔNG BÔNG				8.300.0	7.202.0	1.098.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Krông Bông	2023 - 2025	55 hộ	2.420.0	2.200.0	220.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Krông Bông	2023 - 2025	62 hộ	2.728.0	2.480.0	248.0	
c	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện Krông Bông	2023 - 2025	36 hộ	810.0	810.0	-	
d	Nước sinh hoạt tập trung	Huyện Krông Bông	2023 - 2025		2.342.0	1.712.0	630.0	
12	HUYỆN KRÔNG PẮC				13.110.0	12.050.0	1.060.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Krông Pắc	2023 - 2025	60 hộ	2.640.0	2.400.0	240.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Krông Pắc	2023 - 2025	203 hộ	8.940.0	8.120.0	820.0	
c	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện Krông Pắc	2023 - 2025	68 hộ	1.530.0	1.530.0	-	
13	HUYỆN KRÔNG ANA				5.620.0	5.248.0	372.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Krông Ana	2023 - 2025	65 hộ	2.860.0	2.600.0	260.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Krông Ana	2023 - 2025	28 hộ	1.232.0	1.120.0	112.0	
c	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện Krông Ana	2023 - 2025	30 hộ	675.0	675.0	-	
d	Nước sinh hoạt tập trung	Huyện Krông Ana	2023 - 2025		853.0	853.0	-	
14	HUYỆN LẮK				28.410.0	25.800.0	2.610.0	
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Lắk	2023 - 2025	164 hộ	7.216.0	6.560.0	656.0	
b	Hỗ trợ nhà ở	Huyện Lắk	2023 - 2025	481 hộ	21.194.0	19.240.0	1.954.0	
15	HUYỆN CƯ KUIN				3.630.0	3.437.5	192.5	

STT	Địa phương/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		
						NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
a	Hỗ trợ đất ở	Huyện Cư Kuin	2023 - 2025	46 hộ	2.032.5	1.840.0	192.5	
b	Hỗ trợ đất sản xuất	Huyện Cư Kuin	2023 - 2025	71 hộ	1.597.5	1.597.5	-	

Phụ lục V

CẬP NHẬT DANH MỤC NỘI DUNG HỖ TRỢ TỪ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH
 GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 2 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10 /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG					710.500	668.500	37.000	5.000	-	705.500	668.500	37.000	
I	Huyện Krông Bông					53.900	51.000	2.900	-	-	53.900	51.000	2.900	
1	Dự án Ổn định, sắp xếp dân cư tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số buôn Tiêr, xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Giao thông: tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=6,084km, bao gồm: - Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 trục khoảng L=0,96km; - Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 trục khoảng L=5,124km; (ii) Thủy lợi: Kênh và công trình trên kênh, kết cấu BTCT, tổng chiều dài khoảng L=2,477km; (iii) Dân dụng: Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa cộng đồng và hạ tầng kỹ thuật.	28.700	25.800	2.900	-	-	28.700	25.800	2.900	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Dự án Ổn định, sắp xếp dân cư tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số tại buôn Mghí, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Buôn Mghí, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Giao thông: Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L= 2,4km. (ii) Thủy lợi: Kênh và công trình trên kênh, công trình cấp IV, tổng chiều dài kênh khoảng L= 1,5km. (iii) Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, công trình cấp IV, quy mô 160 hộ dân. (iv) Điện sinh hoạt: Công trình cấp IV, đường dây trung áp chiều dài khoảng L= 1,08km; đường dây hạ áp chiều dài khoảng L=2,47km; Trạm biến áp 3P-160KVA-22/0,4KV. (v) Dân dụng: + Nhà lớp học 02 phòng, công trình cấp III; + Nhà sinh hoạt cộng đồng, công trình cấp III và hạ tầng kỹ thuật.	25.200	25.200	-	-	-	25.200	25.200	-	MM 2023
II	Huyện Ea Súp					73.100	69.000	4.100	-	-	73.100	69.000	4.100	
1	Dự án Ổn định dân cư tại thôn 4A, xã Cư Kbang, huyện Ea Súp	Xã Cư Kbang, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Giao thông: Đường GTNT cấp IV, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=5,165 km. (ii) Dân dụng: + Trường TH Kim Đồng: Nhà lớp học 10 phòng, công trình cấp III, 02 tầng; Cổng tường rào công trình cấp IV, tổng chiều dài khoảng L= 486,6m; + Trường THCS Bế Văn Đàn: Nhà đa năng công trình cấp III, 01 tầng; Cổng tường rào công trình cấp IV, tổng chiều dài khoảng L=421,8m; (iii) Đầu tư mua sắm trang thiết bị kèm theo cho 10 phòng học.	39.800	35.700	4.100	-	-	39.800	35.700	4.100	MM 2022
2	Dự án Ổn định dân cư tại thôn 19, 20 xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Giao thông: Đường GTNT cấp A, B, tổng chiều dài 5 tuyến khoảng L=6,638km. (ii) Dân dụng: Nhà lớp học 09 phòng, bếp ăn: nhà cấp III, 02 tầng và hạ tầng kỹ thuật.	33.300	33.300	-	-	-	33.300	33.300	-	MM 2023
III	Huyện Ea H'leo					124.000	118.000	6.000	-	-	124.000	118.000	6.000	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Dự án Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Thu hồi 9,57 ha đất để bố trí đất ở, đất giao thông, đất thể thao, văn hoá, và các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu khác. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu vực ổn định dân cư trung tâm xã (gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, điện sinh hoạt, thoát nước...); (ii) Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 125 hộ; (iii) Công trình giao thông: Đầu tư 1,89 km đường đến trung tâm xã, 1,5 đường liên thôn; (iv) Cơ sở vật chất văn hóa: Đầu tư nhà văn hóa xã, hội trường thôn 3 và thôn 10A.	63.000	60.000	3.000	-	-	63.000	60.000	3.000	MM 2023
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Tir, huyện Ea H'leo	Xã Ea Tir, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Hạ tầng kỹ thuật khu định cư tập trung; Diện tích san nền 7,44 ha; Đường giao thông cấp 3, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 8 tuyến khoảng L=2,3km; (ii) Dân dụng: 02 Nhà văn hóa thôn, tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật; (iii) Đường giao thông nội vùng, tổng chiều dài khoảng L= 10,3km, bao gồm: + Đường liên huyện: đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài 02 tuyến L=2,73km; + Đường liên xã đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến L= 2,11km; + Đường liên xã, liên thôn: đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài 04 tuyến khoảng L= 5,464km.	61.000	58.000	3.000	-	-	61.000	58.000	3.000	MM 2023
IV	Huyện Krông Búk					72.200	68.000	4.200	-	-	72.200	68.000	4.200	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTP từ nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sin, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Dân dụng: + Nhà văn hóa và Sân thể thao xã theo thiết kế mẫu được UBND tỉnh phê duyệt; + Trường PTDT bán trú TH và THCS Bùi Thị Xuân: Nhà lớp học 06 phòng học: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; Nhà lớp học 04 phòng học bộ môn: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; Nhà vệ sinh: Tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; + Trường Mẫu giáo Hoa Hồng: ++ Nhà lớp học 01 phòng học: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật tại Phân hiệu buôn Ea Kap; ++ Nhà bếp: Tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật tại Phân hiệu buôn Ea Kring; ++ Nhà lớp học 01 phòng học: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật tại Phân hiệu buôn Ea Sin; ++ Hạ tầng kỹ thuật tại phân hiệu buôn Cư Mtao; ++ Nhà vệ sinh: Tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật tại Phân hiệu thôn Ea My. (ii) Giao thông: Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=11,258km; (iii) Năng lượng: Đường dây trung áp với chiều dài khoảng L=5,718km; đường dây hạ áp đi chung với chiều dài khoảng L=5,194km; đường dây hạ áp đi riêng với chiều dài khoảng L=2,938km; Trạm biến áp: 04 trạm 250kVA-22/0,4 kV, 01 trạm 320kVA22/0,4kV.	72.200	68.000	4.200	-	-	72.200	68.000	4.200	MM 2023
V	Huyện Krông Năng					58.000	55.000	3.000	-	-	58.000	55.000	3.000	
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại 3 buôn: Buôn Mrum, buôn A lê, buôn Mngoa, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Xã Ea Hồ, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 14 tuyến khoảng L=9,722km	30.000	28.400	1.600	-	-	30.000	28.400	1.600	MM 2023
2	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tam Hợp, xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng L=8,7km (ii) Kênh và công trình trên kênh, kết cấu kênh tưới BTCT, chiều dài tuyến khoảng L=0,644km	28.000	26.600	1.400	-	-	28.000	26.600	1.400	MM 2023
VI	Huyện Lắk					219.400	207.600	11.800	-	-	219.400	207.600	11.800	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Krông Nô, huyện Lắk	Xã Krông Nô, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đất ở cho 03 hộ. - Hỗ trợ nhà ở cho 48 hộ. - Công trình điện: Đầu tư khoảng 8,8 km đường dây trung, hạ áp; 03 trạm biến áp. - Công trình giao thông: Đầu tư xây dựng khoảng 8,1 km đường GTNT loại B. - Công trình NN&PTNT: Đầu tư xây dựng 01 trạm bơm, hệ thống kênh và công trình trên kênh. - Công trình giáo dục: Trường THCS Trần Hưng Đạo, hạng mục: Xây dựng 01 nhà hiệu bộ, 01 nhà đa năng. 	64.363	61.863	2.500	-	-	64.363	61.863	2.500	MM 2023
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Đăk Phơi, huyện Lắk	Xã Đăk Phơi, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đất ở cho 49 hộ. - Hỗ trợ nhà ở cho 61 hộ. - Công trình giao thông: Đầu tư xây dựng khoảng 7,4 km đường giao thông cấp V. - Công trình NN&PTNT: Đầu tư xây dựng khoảng 0,5 km kênh và công trình trên kênh. - Công trình giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> + Trường TH Lê Thị Hồng Gấm, hạng mục: Xây dựng 12 phòng (phòng học và phòng bộ môn). + Trường THCS Lê Lợi, hạng mục: Xây dựng 08 phòng (phòng học và phòng bộ môn) và 01 nhà đa năng. 	50.815	47.765	3.050	-	-	50.815	47.765	3.050	MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Bông Krang, huyện Lắc	Xã Bông Krang, huyện Lắc	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đất ở cho 50 hộ. - Hỗ trợ nhà ở cho 65 hộ. - Công trình điện: Đầu tư khoảng 3,4 km đường dây trung hạ áp; 01 trạm biến áp. - Công trình giao thông: Đầu tư xây dựng khoảng 5,8 km đường GTNT loại B. - Công trình NN&PTNT: Đầu tư xây dựng khoảng 0,8 km kênh và công trình trên kênh; Cải tạo, nâng cấp cụm đầu mối hồ Dar Ju. - Công trình văn hóa: Đầu tư xây dựng 01 đài truyền thanh xã theo thiết kế mẫu được UBND tỉnh phê duyệt. - Công trình giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> + Trường MG Hòa Mi, hạng mục: Xây dựng 02 phòng học. + Trường TH Trần Phú, hạng mục: 03 phòng (phòng học và phòng bộ môn) và 01 phòng thư viện. + Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, hạng mục: 08 phòng (phòng học và phòng bộ môn). - Công trình y tế: Cải tạo, nâng cấp 01 trạm y tế. 	50.486	47.436	3.050	-	-	50.486	47.436	3.050	MM 2023
4	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Đắc Liêng, huyện Lắc	Xã Đắc Liêng, huyện Lắc	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đất ở cho 10 hộ. - Hỗ trợ nhà ở cho 45 hộ. - Công trình giao thông: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư xây dựng 02 cầu giao thông. + Đầu tư xây dựng khoảng 5,4 km đường GTNT loại B. - Công trình NN&PTNT: Đầu tư xây dựng khoảng 1,0 km kênh. - Công trình giáo dục: Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, hạng mục: Xây dựng 08 phòng học. - Công trình văn hóa: Đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa buôn theo thiết kế mẫu được UBND tỉnh phê duyệt (bao gồm cả sân, cổng, hàng rào). 	53.736	50.536	3.200	-	-	53.736	50.536	3.200	MM 2023
VII	Huyện Krông Pắc					80.775	71.775	4.000	5.000	-	75.775	71.775	4.000	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	Buôn Ea Mao, Kon Hring, Kon Tay, Cư Drang, xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2023-2025	(i) Công trình giao thông: Gồm 08 tuyến đường GTNT cấp A, B, C với tổng chiều dài khoảng 13,11 km; kết cấu mặt đường BTXM. (ii) Công trình thủy lợi: Đập Yang Blok và hệ thống kênh mương. Bao gồm: + Đập đất đồng chất; + Tràn xả lũ; + Cổng lấy nước; + Kênh và công trình trên kênh: Kết cấu BTCT, chiều dài khoảng 1 km; + Đường quản lý vận hành.	46.630	39.630	2.000	5.000		41.630	39.630	2.000	
2	Ôn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc	Xã Ea Hiu	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2023-2025	(i) Công trình dân dụng: + Nhà văn hoá xã: Nhà cấp III theo thiết kế mẫu. + Sân thể thao xã: Sân bóng chuyền theo thiết kế mẫu. + Hạ tầng kỹ thuật (cổng, hàng rào, nền sân,...). (ii) Công trình thủy lợi: Gồm 03 tuyến kênh, với tổng chiều dài khoảng L=3,294 km; kết cấu BTCT. (iii) Công trình giao thông: Gồm 07 tuyến đường GTNT cấp A, B với tổng chiều dài khoảng 5,63 km; kết cấu mặt đường BTXM.	34.145	32.145	2.000	-		34.145	32.145	2.000	
VIII	Phân bổ sau					29.125	28.125	1.000			29.125	28.125	1.000	

Phụ lục VI

CẬP NHẬT DANH MỤC NỘI DUNG HỖ TRỢ TỪ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10 /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
TỔNG CỘNG						1.084.474	943.051	110.000	31.273	150	1.053.051	943.051	110.000	
I	Huyện Krông Bông					135.293	107.570	20.000	7.573	150	127.570	107.570	20.000	
1	Đường giao thông nội vùng thôn Noh Prông, xã Hòa Phong	Thôn Noh Prông, xã Hòa Phong	Ban QL xã Hòa Phong	2022-2024	Đường giao thông cấp C, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L= 1,25 km	1.500		1.500	-	-	1.500	-	1.500	MM 2022
2	Đường giao thông liên buôn (Buôn Blá, buôn Đắk Tuôr, thôn Chung Knung đi buôn Bhung, buôn Khanh đi buôn Khóa), xã Cư Pui	Buôn Blá, buôn Đắk Tuôr, Buôn Khanh, buôn Khóa	Ban QL xã Cư Pui	2022-2024	Đường giao thông cấp C, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=2,764 km	3.609	3.450	-	9	150	3.450	3.450	-	MM 2022
3	Đường giao thông nội vùng thôn Ea Khiêm, xã Hòa Phong	Thôn Ea Khiêm, xã Hòa Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp C, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L= 2,08km	4.300	4.300	-	-	-	4.300	4.300	-	MM 2022
4	Trường mẫu giáo Hòa Phong; Hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, nhà hiệu bộ, khu bếp ăn, công tường rào, sân bê tông	Xã Hòa Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	- Nhà lớp học 06 phòng -02 tầng: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; - Nhà hiệu bộ: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; - Nhà ăn: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; - Hạ tầng kỹ thuật.	9.500	9.500	-	-	-	9.500	9.500	-	MM 2022
5	Kênh Cư Phiêng xã Hòa Phong	Buôn Cư Phiêng, xã Hòa Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và công trình trên kênh, kết cấu BTCT, chiều dài kênh khoảng L=0,506	1.500	1.500	-	-	-	1.500	1.500	-	MM 2022
6	Đường giao thông liên xã từ thôn Ea Bar, xã Cư Pui đi buôn Tong Rang B, xã Cư Drăm (Từ nhà ông Lý Triệu Long đi nhà ông Sùng Seo Hồ)	Thôn Ea Bar, xã Cư Pui	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp B, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=1,712km	7.000	5.500	-	1.500	-	5.500	5.500	-	MM 2022
7	Trường tiểu học Cư Pui II (Thôn Ea Lang); Hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng	Thôn Ea Lang, xã Cư Pui	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Nhà lớp học 4 phòng học 2 tầng, Công trình cấp III, 02 tầng.	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
8	Đường giao thông liên thôn từ buôn Cư Ênun B và buôn Cư Pâm đi cánh đồng sản xuất phía Đông xã Dang Kang	Buôn Cư Ênun B, buôn Cư Pâm, xã Dang Kang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp B, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=3,7km	9.984	8.644	-	1.340	-	8.644	8.644	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
9	Trường THCS Dang Kang; Hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng	Buôn Cư Ênun A, xã Dang Kang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Nhà lớp học 4 phòng học 2 tầng, Công trình cấp III, 02 tầng.	3.200	-	3.200	-	-	3.200	-	3.200	MM 2022
10	Đường giao thông vào khu sản xuất buôn Plum, xã Ea Trul	Buôn Plum, Xã Ea Trul	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp B, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=0,85km	2.000	-	2.000	-	-	2.000	-	2.000	MM 2022
11	Trường tiểu học Ea Trul; Hạng mục: Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng	Buôn Bông Kung, xã Ea Trul	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Nhà lớp học 4 phòng học 2 tầng, Công trình cấp III, 02 tầng.	3.200	-	3.200	-	-	3.200	-	3.200	MM 2022
12	Đường giao thông nông thôn buôn Ja, xã Hòa Sơn (đọc theo tuyến kênh N3)	Buôn Ja, xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp C, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L= 1,245km	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000	-	MM 2022
13	Đường giao thông vào khu sản xuất cánh đồng buôn Cư Mít và cánh đồng Công trường xã Ea Trul	Buôn Cư Mít, xã Ea Trul	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp B, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=2,075km	6.200	6.200	-	-	-	6.200	6.200	-	MM 2022
14	Trường THCS Yang Hanh; Hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng 2 tầng	Thôn Ea Luêh, xã Cư Drăm	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Nhà lớp học 4 phòng học 2 tầng, Công trình cấp III, 02 tầng.	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
15	Nâng cấp kênh mương thủy lợi đầu nguồn Ea Tung, buôn Hăng Năm, xã Yang Mao	Buôn Hăng Năm, xã Yang Mao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và công trình trên kênh, kênh tưới kết cấu BTCT, chiều dài khoảng L=1,12km	2.500	-	2.500	-	-	2.500	-	2.500	MM 2022
16	Nâng cấp kênh N1, N2 hồ thủy lợi Yang Reh, xã Yang Reh, huyện Krông Bông	Xã Yang Reh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Kênh và công trình trên kênh, kết cấu kênh BTCT chiều dài 02 tuyến khoảng L=7,658km	14.900	12.100	1.900	900	-	14.000	12.100	1.900	MM 2023
17	Đập dâng Cư Phiăng, xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	Xã Hòa Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Xây dựng đập dâng dài 15m; 350m kênh chính; 45m đường bờ trái đập và công trình trên đập, kênh.	12.500	10.750	1.000	750	-	11.750	10.750	1.000	MM 2023
18	Các trục đường giao thông tại buôn Tong Rang B và buôn Cư Drăm, xã Cư Drăm	Xã Cư Drăm	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 05 tuyến khoảng L=3,22km.	10.000	7.776	1.500	724	-	9.276	7.776	1.500	MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
19	Các trục đường giao thông tại các thôn Ea Bar, Cư Tê, buôn Bhung, xã Cư Pui	Xã Cư Pui	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông nông thôn, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=4,264km, trong đó: (i) Đường GTNT cấp B chiều dài khoảng L=3,137km; (ii) Đường GTNT cấp C, chiều dài khoảng L=1,127km	12.000	11.250	-	750	-	11.250	11.250	-	MM 2023
20	Đường giao thông trục chính vào khu sản xuất cánh đồng tập trung xã Yang Reh	Xã Yang Reh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp B, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài 02 tuyến khoảng L=1,782km	4.000	2.600	1.000	400	-	3.600	2.600	1.000	MM 2023
21	Nâng cấp và kéo dài tuyến kênh cánh đồng Ea Chay kết hợp đường giao thông trục chính nội đồng, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Xã Yang Mao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Kênh và công trình trên kênh, kết cấu kênh BTCT, tổng chiều dài tuyến chính L=1,5646km; (ii) Đường giao thông cấp B, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=1,74km	10.000	8.150	1.200	650	-	9.350	8.150	1.200	MM 2023
22	Trường tiểu học Cư Pui I; Hàng mục: Nhà lớp học 08 phòng 2 tầng, nhà thư viện và hạ tầng kỹ thuật	Xã Cư Pui	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Nhà lớp học 08 phòng (04 phòng học, 04 phòng bộ môn), 02 tầng, công trình cấp III (ii) Nhà thư viện công trình cấp III (iii) Hạ tầng kỹ thuật (nhà vệ sinh, sân bê tông, tường rào).	8.000	6.450	1.000	550	-	7.450	6.450	1.000	MM 2023
II	Huyện Ea Súp					144.460	124.460	20.000	-	-	144.460	124.460	20.000	
1	Đường liên xã Cư M'lan - Ia Rvê dọc kênh chính Tây	Xã Cư M'lan, Ia Rvê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp cao A1, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=2,8km	8.500	8.500	-	-	-	8.500	8.500	-	MM 2022
2	Đường giao thông liên xã Ea Lê đi Cư M'lan (Từ xã Ea Lê đi Hồ Ea Súp Thượng xã Cư M'lan đầu nối vào đường liên huyện Cư M'gar - Ea Súp)	Xã Ea Lê, Cư Mlan	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=2,326km	9.500	-	9.500	-	-	9.500	-	9.500	MM 2022
3	Đường giao thông liên xã Ia Rvê đi xã Ea Rôk (đoạn từ thôn 11 xã Ia Rvê đi trung tâm xã Ea Rôk)	xã Ia Rvê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=2,291km	9.000	-	9.000	-	-	9.000	-	9.000	MM 2022
4	Đường giao thông thôn 5 đi khu sản xuất C, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp	xã Ia Rvê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=3,095km	8.500	8.500	-	-	-	8.500	8.500	-	MM 2022
5	Đường giao thông đến khu sản xuất của đồng bào Buôn Ba Na, xã Ia Jloi, huyện Ea Súp	xã Ia Jloi	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=3,575km	8.100	8.100	-	-	-	8.100	8.100	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
6	Đường giao thông liên xã từ xã Ia Lơi đi xã Ia Lốp	xã Ia Lốp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=6,497km	8.000	8.000	-	-	-	8.000	8.000	-	MM 2022
7	Đường giao thông đường trục chính thôn Bình Lợi xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	xã Cư M'lan	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=2,622km	7.500	7.500	-	-	-	7.500	7.500	-	MM 2022
8	Đường giao thông liên thôn 12 đi thôn 15 xã Ea Lê, huyện Ea Súp	xã Ea Lê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp VI miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=2,545km	8.500	8.500	-	-	-	8.500	8.500	-	MM 2022
9	Đường giao thông liên xã từ xã Cư M'lan đi xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	Xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=5,242km	26.000	25.000	1.000	-	-	26.000	25.000	1.000	MM 2023
10	Đường giao thông từ thôn 5, 6 đến trung tâm xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=4,8km	23.000	22.500	500	-	-	23.000	22.500	500	MM 2023
11	Đường giao thông từ thôn 4 đi thôn 12, 15 xã Ea Lê, huyện Ea Súp	Xã Ea Lê, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=4,319km	14.800	14.800	-	-	-	14.800	14.800	-	MM 2023
12	Đường giao thông từ trung tâm huyện đi khu sản xuất đồng bào dân tộc thôn 7 xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	Xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=3,103km	13.060	13.060	-	-	-	13.060	13.060	-	MM 2023
III	Thị xã Buôn Hồ					4.851	4.851	-	-	-	4.851	4.851	-	
1	Đường giao thông từ thôn 8 đi thôn Ea Kung, xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông	Ban QLDA ĐTXD thị xã	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=1,7km	4.851	4.851	-	-	-	4.851	4.851	-	MM 2022
IV	Huyện Ea Hleo					62.600	62.600	-	-	-	62.600	62.600	-	
1	Đường giao thông (từ nghĩa địa buôn Châm đi buôn Krai), Buôn Châm, xã Ea Sol	Buôn Châm, xã Ea Sol	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L= 0,87km	2.140	2.140	-	-	-	2.140	2.140	-	MM 2022
2	Các trục đường thôn 1C, xã Ea Wy	Thôn 1C, xã Ea Wy	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L= 1,98km	3.540	3.540	-	-	-	3.540	3.540	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Các trục đường buôn Krái, xã Ea Hiao	Buôn Krái, xã Ea Hiao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=1,477km;	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
4	Các trục đường giao thông thôn 7C, xã Ea Hiao	Thôn 7C, xã Ea Hiao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=2,578km	6.040	6.040	-	-	-	6.040	6.040	-	MM 2022
5	Các trục đường buôn Tùng Tah, xã Ea Ral	Buôn Tùng Tah, xã Ea Ral	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=2,36 km	5.300	5.300	-	-	-	5.300	5.300	-	MM 2022
6	Đường dây hạ áp, TBA 250KVA điện từ nhà Y Lút đến nhà H Nhiên, buôn Tùng Xê, xã Ea Ral	Buôn Tùng Xê, xã Ea Ral	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường dây trung áp dài khoảng L=46m; đường dây hạ áp dài khoảng L=1.060m; Trạm biến áp 250KVA	1.720	1.720	-	-	-	1.720	1.720	-	MM 2022
7	Đường điện trung áp, hạ áp, TBA 250KVA buôn Tùng Tah, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo	Buôn Tùng Tah, xã Ea Ral	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường dây trung hạ áp tổng chiều dài khoảng L=2,051km, trong đó: đường dây trung áp dài khoảng L=0,997km; đường dây hạ áp dài khoảng L=1,054km và Trạm biến áp	2.000	2.000	-	-	-	2.000	2.000	-	MM 2023
8	Đập Thủy lợi thôn 4, xã Ea Tìr, huyện Ea H'leo	Thôn 4, xã Ea Tìr	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đập đất chiều dài thân đập khoảng L=420m, chiều rộng đỉnh đập B=6m; Tràn xả lũ kết cấu BTCT; Công đầu mối.	14.900	14.900	-	-	-	14.900	14.900	-	MM 2023
9	Đường giao thông từ thôn 8 đi trung tâm xã Ea Nam	Thôn 8, xã Ea Nam	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=4,637km	10.560	10.560	-	-	-	10.560	10.560	-	MM 2023
10	Các trục đường giao thông buôn Kri, xã Ea Sol, huyện Ea H'leo	Buôn Kri, xã Ea Sol	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=3,416km	8.500	8.500	-	-	-	8.500	8.500	-	MM 2023
11	Đường giao thông từ thôn 9 đi trung tâm xã Cư Amung, huyện Ea H'leo (Đoạn từ sinh tre đi ngã ba Tung Phương)	Thôn 3, thôn 9, xã Cư Amung	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=1,74km	4.700	4.700	-	-	-	4.700	4.700	-	MM 2023
V	Huyện Buôn Đôn					87.200	66.420	20.000	780	-	86.420	66.420	20.000	
1	Đường GTNT (đoạn từ nhà ông Ngô Duy Trung đến rẫy bà Nguyễn Thị Thắm), Buôn Jang Lành, xã Krông Na	Buôn Jang Lành, xã Krông Na	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=0,637km	1.520	-	1.520	-	-	1.520	-	1.520	MM 2022
2	Kênh nội đồng buôn Ea Mar, xã Krông Na (đoạn từ ruộng bà H Mái đến ruộng ông Y Tha Rchâm; đoạn từ ruộng Mẹ Xi La đến bờ suối nhánh trái Ea Mar và đoạn từ ruộng Mẹ Xi La đến ruộng Ma Bôn)	Buôn Ea Mar, xã Krông Na	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và công trình trên kênh; kết cấu kênh bê tông cốt thép tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=1km	2.366	-	2.366	-	-	2.366	-	2.366	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Kiên cố hóa đập dâng Nà Xước	Xã Ea Huar	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và công trình trên kênh; kết cấu kênh BTCT tổng chiều dài 06 tuyến khoảng L=1,318km	6.200	6.200	-	-	-	6.200	6.200	-	MM 2022
4	Đường giao thông nội buôn Jang Pông, xã Ea Huar	Xã Ea Huar	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=0,642km	1.770	-	1.770	-	-	1.770	-	1.770	MM 2022
5	Làm sân bê tông và nâng cấp phòng học tại Trường Trần Quốc Toản, Buôn Niêng 2 và trường Trần Hưng Đạo, buôn Niêng 3, xã Ea Nuôl	Buôn Niêng 2 và Buôn Niêng 3, xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Trường TH Trần Quốc Toản: Cải tạo nhà lớp học, sân bê tông, làm mới nền sân đất và hạ tầng kỹ thuật (ii) Trường THCS Trần Hưng Đạo: Cải tạo sân bê tông hiện có, làm mới nền sân đất và hạ tầng kỹ thuật	2.044	-	2.044	-	-	2.044	-	2.044	MM 2022
6	Đường giao thông buôn Ko Đưng A đi buôn Niêng 3, xã Ea Nuôl	Buôn Ko Đưng A, buôn Niêng 3, xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=0,857km	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
7	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông liên xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn đi xã Ea M'ngang, huyện Cư M'gar (đoạn từ cầu Cây Sung đến ngã ba giao nhau với đường Ea M'ngang đi Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar)	Xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=1,879km	7.380	7.380	-	-	-	7.380	7.380	-	MM 2022
8	Đường giao thông nội đồng (thôn 1 ra cánh đồng Chu Lai), xã Tân Hoà	Thôn 1, Xã Tân Hoà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=1,475km	4.000	-	4.000	-	-	4.000	-	4.000	MM 2022
9	Đường giao thông nội đồng (từ sinh 1 đi sinh chiều), xã Tân Hoà	Xã Tân Hoà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=1,122km	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
10	Đường giao thông nông thôn tại buôn Jang Pông, xã Ea Huar (02 tuyến)	Buôn Jang Pông, xã Ea Huar	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=4,6 km	14.500	12.000	2.300	200	-	14.300	12.000	2.300	MM 2023
11	Kiên cố hóa kênh cánh đồng 36, thôn 8, xã Ea Huar	Thôn 8, xã Ea Huar	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Kênh tưới, kết cấu bê tông cốt thép, chiều dài khoảng L= 0,5 km.	850	850	-	-	-	850	850	-	MM 2023
12	Kiên cố hóa kênh tiêu, kênh tưới cánh đồng Buôn Đrang Phók và Buôn Ea Mar, xã Krông Na	Buôn Đrang Phók và buôn Ea Mar, xã Krông Na	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Kênh bê tông cốt thép; tổng chiều dài khoảng L=1,7km, gồm: (i) Kênh tiêu, chiều dài khoảng L=0,7km; (ii) Kênh tưới, chiều dài 02 tuyến khoảng L=1,0 km.	3.850	3.000	850	-	-	3.850	3.000	850	MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	Đường giao thông nông thôn tại buôn Tri, buôn Ea Mar và buôn Đrang Phók, xã Krông Na (05 tuyến)	Buôn Tri, buôn Ea Mar, buôn Đrang Phók, xã Krông Na	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, C; kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 05 tuyến khoảng 2,4 km	4.500	4.000	400	100	-	4.400	4.000	400	MM 2023
14	Đường giao thông nông thôn tại buôn Ea Pri và thôn 9, xã Ea Wer (02 tuyến)	Buôn Ea Pri, thôn 9, xã Ea Wer	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=6,0 km	14.900	11.000	3.700	200	-	14.700	11.000	3.700	MM 2023
15	Kiến cổ hoá kênh đập dâng Cây Sung, xã Cuôr Knia	Xã Cuôr Knia, xã Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Kênh tưới, kết cấu bê tông cốt thép, chiều dài khoảng L= 2,5 km	10.620	9.590	850	180	-	10.440	9.590	850	MM 2023
16	Đường giao thông nông thôn tại thôn 3 và thôn 7, xã Cuôr Knia (02 tuyến)	Thôn 3, thôn 7 xã Cuôr Knia	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L= 2,5 km	6.300	6.000	200	100	-	6.200	6.000	200	MM 2023
VI	Huyện Cư Mgar					54.000	54.000	-	-	-	54.000	54.000	-	
1	Đường giao thông từ buôn Luk đến trung tâm xã Ea Kuêh (từ nhà ông Ama Hnuên Buôn Bya đến nhà Y Dung Mlô và từ nhà ông Nguyễn Thế Vương đến rẫy ông Y Hon Niê)	buôn Luk, xã Ea Kuêh	Ban QL xã Ea Kuêh	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,572km	1.325	1.325	-	-	-	1.325	1.325	-	MM 2022
2	Đường giao thông nội thôn Đổng Giao đến trung tâm xã Ea M'Đroh (4 tuyến)	thôn Đổng Giao, xã Ea M'Đroh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=4,316km	6.785	6.785	-	-	-	6.785	6.785	-	MM 2022
3	Đường giao thông từ buôn Xê Đàng đến trung tâm xã Ea Kuêh (4 tuyến)	buôn Xê Đàng, xã Ea Kuêh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=2,403km	6.800	6.800	-	-	-	6.800	6.800	-	MM 2022
4	Đường giao thông từ thôn Đổng giao đến trung tâm xã Ea M'Đroh	Xã Ea M'Đroh và xã Quảng hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=10,23km	39.090	39.090	-	-	-	39.090	39.090	-	MM 2023
VII	Huyện Krông Búk					21.570	21.570	-	-	-	21.570	21.570	-	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đường giao thông nội buôn Tăng Mai, xã Pong Drang (02 tuyến)	Xã Pong Drang	Ban QL xã Pong Drang	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=0,745km	1.120	1.120	-	-	-	1.120	1.120	-	MM 2022
2	Đường giao thông nội buôn Ea Nho, xã Chư Kbo (03 tuyến)	Xã Chư Kbo	Ban QL xã Cư Kbo	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=1,066km	1.615	1.615	-	-	-	1.615	1.615	-	MM 2022
3	Đường giao thông nội buôn Kđoh, xã Cư Pong (04 tuyến)	Xã Cư Pong	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=1,089km	2.559	2.559	-	-	-	2.559	2.559	-	MM 2022
4	Đường giao thông nội buôn Ea Tuk, xã Cư Pong (03 tuyến)	Xã Cư Pong	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=0,661km	1.527	1.527	-	-	-	1.527	1.527	-	MM 2022
5	Đường giao thông buôn Kđrô 2, xã Cư Né (03 tuyến)	Xã Cư Né	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=1,37km	3.156	3.156	-	-	-	3.156	3.156	-	MM 2022
6	Đường giao thông buôn Kô, buôn Mùi 1 và buôn Kmu, xã Cư Né (3 tuyến)	Xã Cư Né	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=1,32km	2.645	2.645	-	-	-	2.645	2.645	-	MM 2022
7	Đường giao thông từ xã Cư Pong đi xã Ea Sin, huyện Krông Búk (Đoạn từ Buôn Kđoh, xã Cư Pong đến Buôn Ea Sin, xã Ea Sin).	Xã Cư Pong và xã Ea Sin	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=3,513km	8.948	8.948	-	-	-	8.948	8.948	-	MM 2023
VIII	Huyện Krông Năng					101.660	100.660	-	1.000	-	100.660	100.660	-	
1	Đường giao thông Buôn Wik (từ nhà bà Múc đến cánh đồng Trấp Bu)	Xã Ea Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=2,2 km	4.600	4.600	-	-	-	4.600	4.600	-	MM 2022
2	Nâng cấp cải tạo 04 Trạm y tế xã (Ea Hồ, Ea Dăh, Ea Púk và Cư Klông), huyện Krông Năng	Ea Hồ, Ea Dăh, Ea Púk và Cư Klông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Công trình dân dụng cấp IV	4.000	4.000	-	-	-	4.000	4.000	-	MM 2022
3	Đường giao thông Buôn Trấp đến trung tâm xã Ea Tam	Xã Ea Tam	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=0,818km	1.751	1.751	-	-	-	1.751	1.751	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4	Đường giao thông liên xã Ea Dăh đi xã Xuân Phú - Ea Kar	Xã Ea Dăh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=0,855km	3.680	3.680	-	-	-	3.680	3.680	-	MM 2022
5	Đường giao thông liên xã Ea Dăh đi xã Ea Puk (từ ranh giới xã Ea Puk đến trung tâm xã Ea Dăh)	Xã Ea Dăh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=1,477km	3.450	3.450	-	-	-	3.450	3.450	-	MM 2022
6	Đường giao thông thôn Giang Tân đi trung tâm xã Ea Puk	Xã Ea Puk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=0,647km	1.459	1.459	-	-	-	1.459	1.459	-	MM 2022
7	Đường giao thông từ thôn Giang Thọ đến trung tâm xã Tam Giang	Xã Tam Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=0,611km	1.168	1.168	-	-	-	1.168	1.168	-	MM 2022
8	Đường giao thông nội Buôn Tleh	Xã Dliêya	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=2,2 km	4.600	4.600	-	-	-	4.600	4.600	-	MM 2022
9	Đường giao thông kết nối các buôn Ea Dua, Yoh, K mang, Yun đến trung tâm xã Dliêya	Xã Dliêya	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=2,413km	7.355	7.355	-	-	-	7.355	7.355	-	MM 2022
10	Đường giao thông kết nối các thôn Ea Ngah, Ea Bir, Cư Klông đến trung tâm xã Cư Klông	Xã Cư Klông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L = 1,1 km	4.670	4.670	-	-	-	4.670	4.670	-	MM 2022
11	Đường giao thông liên xã Ea Hồ đi xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Chiều dài tuyến khoảng L= 3,4km, trong đó: + Đoạn 1: chiều dài L=1,55km, kết cấu mặt đường láng nhựa, mở rộng mỗi bên 1 mét; + Đoạn 2: chiều dài L=1,85km, đường GTNT cấp A; kết cấu mặt đường bê tông xi măng.	14.990	14.740	-	250	-	14.740	14.740	-	MM 2023
12	Đường giao thông thôn Tân Hiệp đến trung tâm xã Dliêya, huyện Krông Năng	Xã Dliêya	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; Chiều dài tuyến khoảng L= 2,7km; cầu BTCT dài 12m, khổ cầu K=6,5m;	14.937	14.687	-	250	-	14.687	14.687	-	MM 2023
13	Đường giao thông thôn Ea Lê đến trung tâm xã Dliêya, huyện Krông Năng	Xã Dliêya	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài tuyến khoảng L=3,99km;	10.000	9.800	-	200	-	9.800	9.800	-	MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
14	Trường Tiểu học Ea Hồ, huyện Krông Năng	Xã Ea Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Nhà lớp học 12 phòng 02 tầng, công trình cấp III; Nhà lớp học bộ môn và thư viện, công trình cấp III; Nhà đa chức năng công trình cấp III, 01 tầng; Nhà để xe và hạ tầng kỹ thuật	25.000	24.700	-	300	-	24.700	24.700	-	MM 2023
IX	Huyện Ea Kar					132.600	80.900	30.000	21.700	-	110.900	80.900	30.000	
1	Đường giao thôn 16, thôn 18, thôn 20, thôn 21 đi trung tâm xã Cư Bông	Xã Cư Bông	Ban QL xã Cư Bông	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=1,885km	4.000	-	4.000	-	-	4.000	-	4.000	MM 2022
2	Đường giao thông kết nối thôn 6 - buôn Ea Sar - buôn Xê Đẳng đến trung tâm xã Ea Sar	Thôn 6, Buôn Ea Sar, Buôn Xê Đẳng	Ban QL xã Ea Sar	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài L=2,866km	3.800	3.800	-	-	-	3.800	3.800	-	MM 2022
3	Đường giao thông thôn 3, thôn 8, thôn 10, xã Cư Yang	Xã Cư Yang	Ban QL xã Cư Yang	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=1,529 km	3.500	3.500	-	-	-	3.500	3.500	-	MM 2022
4	Xây dựng Đường giao thông Buôn Ea Rót đi vùng sản xuất	Xã Cư Êlang	Ban QL xã Cư Êlang	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM, Sửa chữa, nâng cấp chiều dài L=1,908km	3.100	3.100	-	-	-	3.100	3.100	-	MM 2022
5	Đường bê tông giao thông thôn 10 đi trung tâm xã Cư Prông	Thôn 10	Ban QL xã Cư Prông	2022-2024	Đường GTNT cấp C; kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=2,2km	3.100	-	3.100	-	-	3.100	-	3.100	MM 2022
6	Đường giao thông buôn Cư Ana Săn và Đường giao thông thôn 4 đi trung tâm xã Ea Sô	Buôn Cư Ana Săn và Thôn 4	Ban QL xã Ea Sô	2022-2024	Đường GTNT cấp B; kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=2,271km	3.500	3.500	-	-	-	3.500	3.500	-	MM 2022
7	Đường giao thông trung tâm xã Cư Yang đến giáp xã Ea Ô	Xã Cư Yang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=2,5km	5.000	-	2.000	3.000	-	2.000	-	2.000	MM 2022
8	Đường giao thông thôn 23 đi trung tâm xã Cư Bông	Xã Cư Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=4,0km	6.000	3.000	-	3.000	-	3.000	3.000	-	MM 2022
9	Đường giao thông thôn Hạ Long đi trung tâm xã Cư Prông	Xã Cư Prông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=3,5km	7.000	6.500	-	500	-	6.500	6.500	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Đường giao thông liên xã từ xã Cư Elang đi xã Ea Ô	Xã Cư Elang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=4,5km	18.000	13.000	-	5.000	-	13.000	13.000	-	MM 2022
11	Đường giao thông buôn Xê Đàng đi trung tâm xã Ea Sar	Xã Ea Sar	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài tuyến khoảng L=1,574km	5.100		3.900	1.200	-	3.900		3.900	MM 2022
12	Nâng cấp sửa chữa Hồ chứa nước thôn 11, xã Cư Prông	Xã Cư Prông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Công trình cấp III, đập đất có chiều dài L=0,455km; công đầu mối; đường thi công và quản lý công trình;	10.000	8.500	-	1.500	-	8.500	8.500	-	MM 2022
13	Đường giao thông trục chính trung tâm xã Cư Prông đi buôn M'um	Xã Cư Prông	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM chiều dài 04 tuyến khoảng L=2,617km	7.000	6.000	-	1.000	-	6.000	6.000	-	MM 2022
14	Xây dựng 01 phòng học tại điểm trường buôn Ea Rót thuộc Trường Mầm non Tuổi Thơ và nhà hiệu bộ Trường THCS Phạm Hồng Thái, xã Cư Elang	Xã Cư Elang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Công trình dân dụng cấp III, 01 tầng, bao gồm: Nhà lớp học 01 phòng; Nhà hiệu bộ	2.500	2.500	-	-	-	2.500	2.500	-	MM 2023
15	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn 2C, xã Ea Ô và thôn 6B, xã Ea Pal	Thôn 2C, xã Ea Ô và thôn 6B, xã Ea Pal	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Công trình dân dụng cấp III, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000	-	MM 2023
16	Đường giao thông liên xã Cư Prông đi xã Ea Tih (từ thôn Hạ Long, xã Cư Prông đi thôn Tiến Đông, xã Ea Tih)	Xã Cư Prông và xã Ea Tih	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp A; Kết cấu mặt đường BTXM; chiều dài tuyến khoảng L=3,3km;	10.000	9.000	-	1.000	-	9.000	9.000	-	MM 2023
17	Xây dựng các trục đường giao thông từ các buôn M'ar, M'oa đi trung tâm xã Cư Huê, huyện Ea Kar	Xã Cư Huê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 08 tuyến khoảng L=2,249km;	7.500	7.000	-	500	-	7.000	7.000	-	MM 2023
18	Đường giao thông liên xã Ea Sar đi xã Ea Sô, huyện Ea Kar	Xã Ea Sar và xã Ea Sô	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Chiều dài tuyến khoảng 8,0km; Đường cấp IV, trong đó: (i) kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=4,939 km; (ii) Vá thảm tăng cường bê tông nhựa nóng các đoạn còn lại chiều dài khoảng L=3,061 km	30.500	8.500	17.000	5.000	-	25.500	8.500	17.000	MM 2023
X	Huyện M'Đrăk					127.410	127.410	-	-	-	127.410	127.410	-	
1	Kênh mương Ea sáp, xã Cư M'ta	Buôn Đăk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và các công trình trên kênh, kết cấu BTCT, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=0,528km	1.100	1.100	-	-	-	1.100	1.100	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Đường nội vùng buôn Hoang và buôn Pa, xã Cư Prao	Buôn Hoang và Buôn Pa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng L= 0,726km	1.930	1.930	-	-	-	1.930	1.930	-	MM 2022
3	Đường nội buôn Năng (Đoạn nối tiếp TL 13 đến đường Trường Sơn Đông), xã Cư Prao	Buôn Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng L= 0,983km;	2.700	2.700	-	-	-	2.700	2.700	-	MM 2022
4	Đường giao thông thôn 7 (đoạn từ nhà ông Hăng đi nhà văn hoá thôn và đoạn từ nhà văn hóa thôn đi ông Dinh), xã Cư Króa	Thôn 7	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng L= 0,543km;	1.500	1.500	-	-	-	1.500	1.500	-	MM 2022
5	Đường giao thông buôn Glăn, xã Krông Jing	Buôn Glăn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng L= 1,202km;	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
6	Đường giao thông thôn 1 (khu đá voi), xã Ea Pil	Thôn 1	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng L= 0,625km;	1.500	1.500	-	-	-	1.500	1.500	-	MM 2022
7	Đường giao thông thôn 5 (từ đoạn nối tiếp đường bê tông thôn 5 đi khu sản xuất phía Đông), xã Cư San	Thôn 5	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng L= 0,791km;	3.200	3.200	-	-	-	3.200	3.200	-	MM 2022
8	Các tuyến đường giao thông thôn buôn (03 tuyến), xã Ea Trang	Thôn Ea Kiêu, buôn M'Hap, Buôn M'Gom, xã Ea Trang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=6,299km	25.480	25.480	-	-	-	25.480	25.480	-	MM 2023
9	Đường giao thông từ trung tâm xã đi thôn 7 và các tuyến đường giao thông thôn 7, 9 (4 tuyến), xã Cư Króa	Thôn 7, 9 Xã Cư Króa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 05 tuyến khoảng L=6,4km	16.000	16.000	-	-	-	16.000	16.000	-	MM 2023
10	Đường dây điện trung, hạ áp và trạm biến áp cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn thôn Đắk Phú, buôn Năng, buôn Hoang thuộc xã Cư Prao và buôn Gõ thuộc xã Cư M'Ta, huyện M'Drắk	Xã Cư M'ta Xã Cư Prao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường dây trung hạ áp tổng chiều dài khoảng 13,3km, trong đó: đường dây trung áp dài khoảng L=7,3km; đường dây hạ áp dài khoảng L=6,0km và Trạm biến áp	14.900	14.900	-	-	-	14.900	14.900	-	MM 2023
11	Các tuyến đường giao thông thôn 5, 6, 7 (02 tuyến), xã Cư Prao	Thôn 5, 6, 7 Xã Cư Prao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=3,5km	9.700	9.700	-	-	-	9.700	9.700	-	MM 2023
12	Các tuyến đường giao thông thôn 1, 8 xã Ea Pil (03 tuyến)	Thôn 1, 8 Xã Ea Pil	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến L=3,737km	11.000	11.000	-	-	-	11.000	11.000	-	MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	Đường giao thông các thôn 2, 4 (5 tuyến); công trình liên hợp và đường hai đầu công thôn 8, xã Ea M'Đoal	Thôn 2, 4, 8 Xã Ea M'Đoal	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 05 tuyến L=2,166km; công trình liên hợp và đường hai đầu công	8.600	8.600	-	-	-	8.600	8.600	-	MM 2023
14	Các tuyến đường giao thông thôn buôn và ngầm buôn M'Um, xã Krông Jing	Buôn Bik, buôn Mióc B, buôn Hoang, buôn M'Um, xã Krông Jing	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Chiều dài khoảng: 5,215 km; kết cấu mặt đường BTXM, bao gồm: Đường GTNT cấp B, chiều dài 04 tuyến khoảng L=3,591km; Đường GTNT cấp IV miền núi chiều dài khoảng L=1,624 km	16.000	16.000	-	-	-	16.000	16.000	-	MM 2023
15	Các tuyến đường giao thông thôn 1, 3, 4, xã Krông Á (04 tuyến)	Thôn 1, 3, 4 Xã Krông Á	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=2,516km	8.100	8.100	-	-	-	8.100	8.100	-	MM 2023
16	Kênh và công trình trên kênh đập Ea Má và đập Krông Jing, đập Khe tám, xã Cư M'Ta	Xã Cư M'Ta	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Kênh và công trình trên kênh, kết cấu BTCT, chiều dài 06 tuyến khoảng L=1,053km	2.500	2.500	-	-	-	2.500	2.500	-	MM 2023
XI	Huyện Krông Pắc					63.240	63.240	-	-	-	63.240	63.240	-	
1	Đường giao thông nội buôn Ea Su, xã Ea Phê (02 tuyến)	Buôn Ea Su	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=1,587km	2.740	2.740	-	-	-	2.740	2.740	-	MM 2022
2	Đường giao thông buôn Ea Oh (4 tuyến)	Buôn Ea Oh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng L=2,254km	3.979	3.979	-	-	-	3.979	3.979	-	MM 2022
3	Đường giao thông buôn Ea Đrai A, xã Tân Tiến (2 tuyến) (Đoạn từ ngã 3 trường học đến Kênh Thủy lợi và đoạn khu tái định cư Buôn Ea Đrai A)	Buôn Ea Đrai A	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 02 tuyến khoảng L=2,544km	4.800	4.800	-	-	-	4.800	4.800	-	MM 2022
4	Đường giao thông trục buôn Kplang, xã Tân Tiến	Buôn Kplang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=1,364km	2.400	2.400	-	-	-	2.400	2.400	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
5	Xây dựng trạm bơm và hệ thống kênh mương thôn 12, xã Vụ Bản.	Thôn 12, xã Vụ Bản	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	- Xây dựng nhà trạm bơm, bể hút, bể xả; hệ thống máy bơm 03 tổ (số tổ thiết kế: 02 tổ, số tổ dự phòng 01 tổ), công suất động cơ 75KW; hệ thống điện trung và hạ áp, chiều dài khoảng 1,3km và 01 trạm biến áp. - Kiên cố hoá khoảng 04 km kênh và công trình trên kênh.	14.900	14.900	-	-	-	14.900	14.900	-	MM 2023
6	Đường giao thông nông thôn tại các thôn Quảng Tân, thôn Nghĩa Tân, buôn Tà Đốq, buôn Tà Rầu, buôn Ra Lu, xã Ea Hiu (09 tuyến).	Thôn Quảng Tân, thôn Nghĩa Tân, Buôn Tà Đốq, buôn Tà Rầu, buôn Ra Lu, xã Ea Hiu.	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 09 tuyến khoảng L= 6,0 km	10.800	10.800	-	-	-	10.800	10.800	-	MM 2023
7	Đường giao thông nông thôn tại các buôn: Ját A, Ját B, Tà Cống, Roang Đơng, Mò Ó, xã Ea Hiu (07 tuyến).	Các buôn Ját A, Ját B, Tà Cống, Roang Đơng, Mò Ó, xã Ea Hiu	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 07 tuyến khoảng L= 4,2km.	7.200	7.200	-	-	-	7.200	7.200	-	MM 2023
8	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương, nhà trạm bơm cánh đồng Ea Mao và hệ thống kênh mương trạm bơm T54, xã Ea Yiêng	Buôn Ea Mao, buôn Kon Hring xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	- Xây dựng nhà trạm bơm, kè mái chống sạt lở cho khu vực nhà trạm bơm; - Kiên cố hóa kênh mương, gồm: (i) Kênh cánh đồng Ea Mao, chiều dài khoảng 0,03 km; (ii) Kênh mương trạm bơm T54, chiều dài khoảng 1,5 km.	5.200	5.200	-	-	-	5.200	5.200	-	MM 2023
9	Nhà văn hoá, sân thể thao xã Ea Yiêng	Buôn Kon Wang xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Nhà văn hoá, sân thể thao: Thực hiện theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và dự toán được UBND tỉnh phê duyệt; Cổng, hàng rào: Cổng bằng sắt, hàng rào bằng lưới B40.	5.000	5.000	-	-	-	5.000	5.000	-	MM 2023
10	Đường giao thông nông thôn tại buôn Hăng 1A, xã Ea Uy (03 tuyến).	Buôn Hăng 1A, xã Ea Uy	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L= 2,0 km	4.221	4.221	-	-	-	4.221	4.221	-	MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐPTT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
11	Đường giao thông nông thôn tại buôn Ea Draï và buôn Ea Draï A, xã Tân Tiến (03 tuyến)	Buôn Ea Draï, buôn Ea Draï A xã Tân Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B; Kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài 03 tuyến L= 1,1 km	2.000	2.000	-	-	-	2.000	2.000	-	MM 2023
XII	Huyện Lắk					128.620	108.620	20.000	-	-	128.620	108.620	20.000	
1	Đường giao thông nội Buôn Lê, Buôn Jun, Dong Kriêng, thị trấn Liên Sơn	TT Liên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,489km	2.000	2.000	-	-	-	2.000	2.000	-	MM 2022
2	Đường giao thông vào khu sản xuất Buôn Jun	TT Liên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=1,453km	6.200	6.200	-	-	-	6.200	6.200	-	MM 2022
3	Kênh tiêu từ ruộng Ma Vui đến sông Krông Nô, xã Nam Ka, huyện Lắk	Xã Nam Ka	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh tiêu nước kết cấu BTCT, chiều dài khoảng L=2,5km	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000	-	MM 2022
4	Xây dựng sân trường trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	Xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Công trình dân dụng cấp IV	1.200	1.200	-	-	-	1.200	1.200	-	MM 2022
5	Đường giao thông buôn Ea Ring (từ đường liên xã đến cuối tuyến) và đường nội đồng buôn Piao Siêng (từ ruộng ông Dũng đến ruộng ông Duy)	Xã Ea R'bin	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,856km	2.100	2.100	-	-	-	2.100	2.100	-	MM 2022
6	Đường giao thông từ cầu trắng QL27 đến hồ Buôn Biếp, xã Yang Tao, huyện Lắk	Xã Yang Tao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp IV, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=2,9km	14.405	10.000	4.405	-	-	14.405	10.000	4.405	MM 2022
7	Kênh thủy lợi từ Năng Pan đến khu Đăk Srár, xã Yang Tao, huyện Lắk	xã Yang Tao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Xây dựng đập dâng; đường thi công và quản lý công trình chiều dài L=0,88km; Cổng đầu mối; Kênh chính chiều dài khoảng L=0,3km.	5.000	5.000	-	-	-	5.000	5.000	-	MM 2022
8	Đường giao thông liên xã Đăk Phoi đi xã Đăk Nuê (phần đoạn từ lý trình Km1+179.51 đến lý trình Km2+800.00)	Xã Đăk Phoi	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp IV, chiều dài khoảng L=1,66km và 01 cầu tràn liên hợp	29.950	24.950	5.000	-	-	29.950	24.950	5.000	MM 2022
9	Bê tông hóa mương thủy lợi thôn Hòa Bình 1-2, xã Đăk Liêng, huyện Lắk	xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và công trình trên kênh, kết cấu BTCT, chiều dài khoảng L=0,466km	3.000	3.000	-	-	-	3.000	3.000	-	MM 2022
10	Đường giao thông Buôn Kam đi Lâm Trường	xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=1,841km	6.200	6.200	-	-	-	6.200	6.200	-	MM 2022
11	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Buôn Juk, xã Đăk Liêng, huyện Lắk	xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Kênh và công trình trên kênh, kết cấu BTCT chiều dài 02 tuyến khoảng L=1,124km	8.015	8.015	-	-	-	8.015	8.015	-	MM 2022

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	Đường giao thông trục chính cánh đồng Buôn Cuôr Tak (Đoạn từ cầu La Tấng Poh đến giáp QL 27), xã Yang Tao	Xã Yang Tao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=1,7 km	5.000	3.800	1.200	-	-	5.000	3.800	1.200	MM 2023
13	Đường giao thông nông thôn tại Buôn Kdiê 1 và Buôn Kdiê 2, xã Đăk Nuê (03 tuyến)	Xã Đăk Nuê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=2,7 km	9.500	7.400	2.100	-	-	9.500	7.400	2.100	MM 2023
14	Đường giao thông nông thôn tại Buôn Dhăm 2 và thôn Yên Thành 2, xã Đăk Nuê (03 tuyến)	Xã Đăk Nuê	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 03 tuyến khoảng L=2,3 km	4.600	3.600	1.000	-	-	4.600	3.600	1.000	MM 2023
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn (đoạn từ ngã 3 Buôn Tu Sria đến hồ chứa nước Nam Ka), xã Nam Ka	Xã Nam Ka	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=3,4 km	5.200	4.000	1.200	-	-	5.200	4.000	1.200	MM 2023
16	Đường giao thông vào khu sản xuất Buôn Mliêng (Đoạn từ đường liên xã Yang Tao - Đăk Liêng đến đường BTXM thuộc buôn Mliêng), xã Đăk Liêng	Xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=2 km	13.750	10.255	3.495	-	-	13.750	10.255	3.495	MM 2023
17	Kiên cố hóa kênh đập Buôn Tung 2 và đường dọc bờ kênh, xã Buôn Triết	Xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	- Kênh bê tông cốt thép, chiều dài khoảng L=1,1 km; - Đường dọc kênh: Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,25 km, - Kè mái taluy, chiều dài khoảng L=0,2 km	5.000	4.500	500	-	-	5.000	4.500	500	MM 2023
18	Đường giao thông nông thôn tại Buôn Tung 3, buôn Lach Rung - Ja Tu, buôn Knăc, xã Buôn Triết (04 tuyến)	Xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, C, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 04 tuyến khoảng 2 km	4.500	3.400	1100	-	-	4.500	3.400	1100	MM 2023
XIII	Huyện Krông Ana					12.110	12.110	-	-	-	12.110	12.110	-	
1	Đường giao thông nội buôn Buôn Tơ Lơ (từ nhà bà Mi Linh Đan đến đường xuống bên cát Tơ Lơ)	Buôn Tơ Lơ, xã Ea Na	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,828km	1.900	1.900	-	-	-	1.900	1.900	-	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Trong đó: Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	Đường giao thông nông thôn tại các thôn, buôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã Ea Na, xã Ea Bông và thị trấn Buôn Tráp (07 tuyến).	Buôn Tơ Lơ và Buôn Cuáh, xã Ea Na; Buôn Dhâm và buôn Hma, xã Ea Bông; Buôn Rung, thị trấn Buôn Tráp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp IV; Kết cấu mặt đường BTXM; Tổng chiều dài 07 tuyến khoảng L=3,625km,	10.210	10.210	-	-	-	10.210	10.210	-	
XIV	Huyện Cư Kuin					8.860	8.640	-	220	-	8.640	8.640	-	
1	Đường GTNT nội buôn Tắc Mngá (tuyến 7), xã Cư Êwi	buôn Tắc Mngá, xã Cư Êwi	Ban QL xã Cư Êwi	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,593 km	1.080	1.080	-	-	-	1.080	1.080	-	MM 2022
2	Đường GTNT nội đồng buôn Cư Knao, xã Hoà Hiệp	buôn Cư Knao, xã Hoà Hiệp	Ban QL xã Hòa Hiệp	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,75 km	1.080	1.080	-	-	-	1.080	1.080	-	MM 2022
3	Đường GTNT nội buôn Puk Prông (tuyến 6), xã Ea Ning	buôn Puk Prông, xã Ea Ning	Ban QL xã Ea Ning	2022-2024	Đường GTNT cấp C, kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,769 km	1.080	1.080	-	-	-	1.080	1.080	-	MM 2022
4	Đường GTNT nội buôn Knir (tuyến 8), xã Ea Tiêu	buôn Knir, xã Ea Tiêu	Ban QL xã Ea Tiêu	2022-2024	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài 08 tuyến khoảng L=0,383 km	1.080	1.080	-	-	-	1.080	1.080	-	MM 2022
5	Đường GTNT từ buôn Cư Knao, xã Hòa Hiệp đi thôn 1, xã Ea Hu (Đoạn từ ngã 3 Đầm đất đỏ Buôn Cư Knao đến khu vực đất sản xuất, thôn 1 xã Ea Hu).	Xã Hòa Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=1,074 km	4.540	4.320	-	220	-	4.320	4.320	-	MM 2023

Phụ lục VII

CẬP NHẬT DANH MỤC NỘI DUNG HỖ TRỢ TỪ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 5 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10 /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025		Ghi chú		
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã		Nguồn huy động (nếu có)		NSTW	NST
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG					172.900	142.900	30.000	-	-	172.900	142.900	30.000	
I	Thị xã Buôn Hồ					9.750	9.750	-	-	-	9.750	9.750	-	
1	Trường PTDTNT - THCS thị xã Buôn Hồ; Hạng mục: Nhà công vụ giáo viên; phòng ở nội trú học sinh; nhà ăn + nhà bếp, nhà kho; nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; phòng học, phòng bộ môn; công trình vệ sinh và các công trình phụ trợ khác.	Phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ	Sở GD&ĐT	2022-2024	(i) Hạng mục cải tạo: + Nhà nội trú học sinh, nhà ăn, nhà bếp, nhà kho: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Nhà vệ sinh: Tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; (ii) Tháo dỡ và di dời nhà xe: Tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; (iii) Hạng mục xây mới: + Nhà công vụ giáo viên: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Nhà phòng học, phòng bộ môn: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng;	9.750	9.750				9.750	9.750		MM 2022
II	Huyện Buôn Đôn					7.290	7.290	-	-	-	7.290	7.290	-	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Buôn Đôn; Hạng mục: Nhà công vụ giáo viên; nhà ở nội trú học sinh; nhà ăn, nhà bếp; nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; công trình vệ sinh và các công trình phụ trợ khác.	Xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn	Sở GD&ĐT	2022-2024	(i) Hạng mục cải tạo: + Nhà công vụ giáo viên: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; + Nhà nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + công trình vệ sinh tại nhà lớp học 03 tầng: Tiêu chuẩn cấp III, 03 tầng; + Nhà đa chức năng: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng và hạ tầng kỹ thuật. (ii) Hạng mục xây mới: + Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; + Sân bóng đá; + Sân bóng chuyền; + Hồ nhảy; + Hạ tầng kỹ thuật.	7.290	7.290				7.290	7.290		MM 2022
III	Huyện Krông Ana					8.870	8.870	-	-	-	8.870	8.870	-	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTP nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Krông Ana; Hàng mục: Phòng ở nội trú học sinh; nhà bếp + nhà ăn, nhà kho; nhà sinh hoạt GDVHDT; phòng học bộ môn; công trình vệ sinh và các công trình phụ trợ khác.	Thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana	Sở GD&ĐT	2022-2024	(i) Hàng mục cải tạo: + Phòng ở nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, nhà kho: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng và hạ tầng kỹ thuật; (ii) Hàng mục xây mới: + Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc: Tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; + Phòng học bộ môn: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; Hạ tầng kỹ thuật	8.870	8.870				8.870	8.870		MM 2022
IV	Huyện Ea Hleo					5.040	5.040	-	-	-	5.040	5.040	-	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Ea H'leo; Hàng mục: Nhà công vụ giáo viên; phòng QLHSNT; nhà SHGDVHDT; nhà kho; phòng học bộ môn; công trình vệ sinh và các công trình phụ trợ khác.	Thị trấn Ea Đrăng, huyện Ea H'leo	Sở GD&ĐT	2022-2024	(i) Hàng mục cải tạo: + Phòng nội trú học sinh, nhà ăn: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Nhà hiệu bộ và lớp học: Tiêu chuẩn cấp III, 03 tầng; (ii) Hàng mục xây mới: Nhà công vụ giáo viên (phòng công vụ giáo viên, Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc, phòng bộ môn, phòng vệ sinh): Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Hạ tầng kỹ thuật	5.040	5.040				5.040	5.040		MM 2022
V	Thành phố Buôn Ma Thuột					35.190	25.190	10.000	-	-	35.190	25.190	10.000	
1	Trường THPT DTNT Nơ Trang Long; hàng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Phường Khánh Xuân, TP BMT	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: 03 nhà lớp học 06 phòng, 02 nhà lớp học bộ môn, 02 nhà nội trú học sinh, các công trình vệ sinh và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 24 phòng ở nội trú học sinh.	23.190	16.590	6.600			23.190	16.590	6.600	MM 2023
2	Trường PTDTNT - THCS TP Buôn Ma Thuột; hàng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật.	Phường Thành Nhất, TP BMT	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: nhà lớp học kết hợp nhà làm việc, nhà nội trú học sinh, các nhà vệ sinh, nhà công vụ giáo viên 02 phòng và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 04 phòng học bộ môn, 01 phòng quản lý học sinh nội trú, 01 kho, 01 nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc.	12.000	8.600	3.400			12.000	8.600	3.400	MM 2023
VI	Huyện Ea Súp					18.580	13.580	5.000	-	-	18.580	13.580	5.000	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trường PTDTNT THCS huyện Ea Súp; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú, phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật.	Thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: Nhà lớp học kết hợp nhà làm việc; nhà nội trú học sinh + nhà bếp + nhà ăn, nhà công vụ giáo viên và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 04 phòng học bộ môn, 01 phòng quản lý học sinh nội trú, 01 phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc.	12.000	8.700	3.300			12.000	8.700	3.300	MM 2023
2	Trường Tiểu học Cư M'lan; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng bộ môn, nhà bếp, nhà công vụ giáo viên, nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật	Xã Cư M'lan, huyện Ea Súp	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: Nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh bán trú học sinh; nhà công vụ giáo viên 02 phòng và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 04 phòng học bộ môn, 01 nhà vệ sinh học sinh.	6.580	4.880	1.700			6.580	4.880	1.700	MM 2023
VII	Huyện Cư Mgar					2.610	2.610	-	-	-	2.610	2.610	-	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Cư M'gar; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung nhà vệ sinh, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật.	TT Quảng Phú, huyện Cư M'gar	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: 02 khu vệ sinh. (ii) Xây dựng bổ sung: Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; sân thể dục thể thao.	2.610	2.610				2.610	2.610		MM 2023
VIII	Huyện Krông Búk					6.670	6.670	-	-	-	6.670	6.670	-	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Krông Búk; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, nhà công vụ giáo viên, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật	Xã Cư Né, huyện Krông Búk	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: Dãy nhà lớp học và phòng học bộ môn, dãy nhà nội trú học sinh + nhà bếp + nhà ăn; sân thể dục, thể thao. (ii) Xây dựng bổ sung: Nhà công vụ giáo viên 04 phòng, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc.	6.670	6.670				6.670	6.670		MM 2023
IX	Huyện Krông Năng					6.280	6.280	-	-	-	6.280	6.280	-	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Krông Năng; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và hạ tầng kỹ thuật	Thị trấn huyện Krông Năng	Sở GD&ĐT	2023-2025	Cải tạo, nâng cấp: Dãy nhà lớp học 02 tầng; dãy nhà công vụ giáo viên 01 tầng thành 02 phòng bộ môn, 01 phòng quản lý học sinh nội trú và 02 phòng công vụ giáo viên; nhà nội trú học sinh + nhà bếp + nhà ăn; nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc và các công trình phụ trợ khác.	6.280	6.280				6.280	6.280		MM 2023
X	Huyện Ea Kar					12.440	9.940	2.500	-	-	12.440	9.940	2.500	

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTP nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Ea Kar; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, nhà đa chức năng và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Ea Dar, huyện Ea Kar	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: Dãy nhà lớp học, phòng học bộ môn kết hợp phòng làm việc 03 tầng; dãy nhà nội trú học sinh + nhà bếp + nhà ăn; nhà đa chức năng và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 04 phòng bộ môn, 01 phòng quản lý học sinh nội trú, 01 phòng kho.	12.440	9.940	2.500			12.440	9.940	2.500	MM 2023
XI	Huyện M'Drắk					31.990	21.990	10.000	-	-	31.990	21.990	10.000	
1	Trường PTDTBT THCS Phan Bội Châu; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học bộ môn, phòng ở bán trú học sinh, phòng quản lý học sinh bán trú; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Ea Trang, huyện M'Drắk	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Phá dỡ dãy nhà phòng học bộ môn, thiết bị (01 tầng) đã xuống cấp nghiêm trọng để xây dựng mới các phòng học bộ môn, khu vệ sinh giáo viên. (ii) Cải tạo khu vệ sinh giáo viên để làm khu vệ sinh cho học sinh bán trú và cải tạo khu vệ sinh chung. (iii) Cải tạo, nâng cấp sân trường và các công trình phụ trợ khác; (iv) Xây dựng bổ sung 07 phòng ở học sinh bán trú, 01 phòng quản lý học sinh bán trú, 04 phòng bộ môn.	9.000	6.200	2.800			9.000	6.200	2.800	MM 2023
2	Trường PTDTNT - THCS huyện M'Drắk; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà ở nội trú học sinh, phòng quản lý học sinh nội trú; phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Cư M'ta, huyện M'Drắk	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp nhà nội trú học sinh, nhà ăn, nhà bếp; nhà lớp học, thư viện; nhà đa năng; hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 03 phòng bộ môn, 01 phòng quản lý học sinh nội trú và 02 phòng công vụ giáo viên, 01 nhà kho, 01 phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc.	11.990	8.190	3.800			11.990	8.190	3.800	MM 2023
3	Trường PTDTBT - THCS Võ Nguyên Giáp; hạng mục: Nhà ở bán trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, kho và hạ tầng kỹ thuật.	Xã Cư Króa, huyện M'Drắk	Sở GD&ĐT	2023-2025	Xây dựng bổ sung 20 phòng ở bán trú học sinh; nhà bếp, nhà ăn, nhà kho, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ khác.	11.000	7.600	3.400			11.000	7.600	3.400	MM 2023
XII	Huyện Krông Bông					7.470	7.470	-	-	-	7.470	7.470	-	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Krông Bông; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng bộ môn, thư viện; nhà nội trú học sinh, nhà ăn, nhà bếp; nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà công vụ giáo viên và hạ tầng kỹ thuật.	TT Krông Kmar, huyện Krông Bông	Sở GD&ĐT	2023-2025	Cải tạo, nâng cấp: Nhà nội trú học sinh; nhà lớp học; nhà bộ môn, thư viện; nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà công vụ giáo viên; nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ khác.	7.470	7.470				7.470	7.470		MM 2023

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
XIII	Huyện Krông Pắc					12.900	10.400	2.500	-	-	12.900	10.400	2.500	
1	Trường PTDTNT - THCS huyện Krông Pắc; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung nhà lớp học, hiệu bộ; phòng học bộ môn, phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà ở nội trú học sinh, nhà ăn, nhà bếp; nhà công vụ giáo viên; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: Nhà lớp học, kết hợp nhà hiệu bộ; nhà nội trú học sinh, nhà ăn, nhà bếp; nhà công vụ giáo viên; nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 03 phòng học bộ môn; 01 phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc.	12.900	10.400	2.500			12.900	10.400	2.500	MM 2023
XIV	Huyện Lắk					7.820	7.820	-	-	-	7.820	7.820	-	
1	Trường PTDTNT THCS huyện Lắk; hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung nhà ở nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn; nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; nhà vệ sinh và hạ tầng kỹ thuật.	Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	Sở GD&ĐT	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp: Nhà nội trú học sinh, nhà bếp, nhà ăn, phòng học bộ môn và các công trình phụ trợ khác. (ii) Xây dựng bổ sung: 03 phòng học bộ môn, 01 phòng sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc; 01 nhà vệ sinh.	7.820	7.820	-			7.820	7.820	-	MM 2023

Phụ lục VIII

CẬP NHẬT DANH MỤC NỘI DUNG HỖ TRỢ TỪ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 6 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
TỔNG CỘNG						53.000	48.000	5.000	-	-	53.000	48.000	5.000	
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, buôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	15 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh	Sở VH TT&DL	2023-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khoảng 40 Nhà văn hóa - Khu thể thao hiện có và hạ tầng kỹ thuật (số lượng cụ thể do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định). (ii) Xây dựng mới Nhà văn hóa - Khu thể thao buôn Đắk Tuờn, xã Cư Pui, huyện Krông Bông: Quy mô thực hiện theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hạ tầng kỹ thuật (đầu tư hoàn chỉnh dự án).	20.050	20.050				20.050	20.050		MM 2023
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu Buôn Tơng Jù, xã Ea Kao, Tp Buôn Ma Thuột và thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	Xã Ea Kao, Tp Buôn Ma Thuột và thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	Sở VH TT&DL	2023-2025	Nội dung đầu tư thực hiện theo Tiết 10.2 Tiểu mục 10 Mục II Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.100	3.100				3.100	3.100		MM 2023
3	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới nhà văn hóa, sân thể thao cho một số thôn, buôn trên địa bàn một số huyện và thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	15 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh	Sở VH TT&DL	2024-2025	(i) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng 01 nhà văn hóa buôn H'luk, xã Ea Kuếh, huyện Cư M'gar, quy mô đầu tư nhà văn hóa 100 chỗ, sân thể thao và hạ tầng kỹ thuật. (ii) Xây dựng mới 11 nhà văn hóa, sân thể thao cho các thôn buôn chưa có nhà văn hóa, sân thể thao thuộc các huyện: Ea Súp, Krông Pắc, Ea Kar, Ea H'leo và thị xã Buôn Hồ. - Quy mô nhà văn hóa: Thực hiện theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do UBND tỉnh phê duyệt; - Quy mô nhà sinh hoạt cộng đồng: 100 chỗ, sân thể thao và hạ tầng kỹ thuật.	18.000	18.000				18.000	18.000		MM 2024

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW		NST
4	Dự án tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp Di tích lịch sử CADA và di tích lịch sử Địa điểm Miếu thờ tại Đồn Điện CADA, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc	Xã Ea Yông, huyện Krông Pắc	Sở VH TT&DL	2024-2025	(i) Tại Di tích lịch sử quốc gia CADA: + Đầu tư tu bổ, tôn tạo, trùng tu, chống xuống cấp nhà làm việc (01 tầng), hệ thống nhà xường. + Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc của Ban Quản lý di tích, nhà trưng bày hiện vật. + Sửa chữa một số đoạn tường rào đã bị xuống cấp, sụp đổ. (ii) Tại di tích lịch sử quốc gia Địa điểm Miếu thờ: + Trùng tu di tích Miếu thờ. + Cải tạo, sửa chữa lại hệ thống sân, cổng, tường rào. + Xây mới nhà vệ sinh và nhà để xe...	11.850	6.850	5.000		11.850	6.850	5.000	MM 2024	

Phụ lục IX

CẬP NHẬT DANH MỤC NỘI DUNG HỖ TRỢ TỪ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN DỰ ÁN 7 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 10 /10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương/Tên dự án/Nội dung hỗ trợ	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện và cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
TỔNG CỘNG						79.900	59.900	20.000	-	-	79.900	59.900	20.000	
I	Huyện Ea Súp					39.950	29.950	10.000	-	-	39.950	29.950	10.000	
1	Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện Ea Súp.	TT. Ea Súp, H. Ea Súp	Sở Y tế	2022-2024	(i) Khoa Khám đa khoa và điều trị ngoại trú, đơn vị cấp cứu và khu hành chính quản trị: Tiêu chuẩn cấp III, 03 tầng; (ii) Nhà cầu nối: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; (iii) Hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, sân, cây xanh, bể nước ngầm); (iv) Thiết bị: Thang máy, hệ thống PCCC, trang thiết bị y tế, thiết bị văn phòng, hệ thống mạng...	39.950	29.950	10.000			39.950	29.950	10.000	MM 2022
II	Huyện M'Drắk					39.950	29.950	10.000	-	-	39.950	29.950	10.000	
1	Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện M'Drắk.	TT. M'Drắk, H. M'Drắk	Sở Y tế	2022-2024	(i) Tháo dỡ hạng mục: Nhà tập thể cấp IV, 01 tầng; kho lưu trữ hồ sơ cấp IV, 01 tầng, nhà cầu nối cấp IV, 01 tầng. (ii) Xây mới các hạng mục: + Khoa cấp cứu hồi sức tích cực, chống độc, khoa nội nhi, khoa phẫu thuật gây mê hồi sức: Tiêu chuẩn cấp III, 05 tầng; + Nhà cầu nối: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Hạ tầng kỹ thuật; + Nhà vệ sinh phục vụ bệnh nhân khoa ngoại sản: Tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng. (iii) Thiết bị: Thang máy, máy phát điện dự phòng, hệ thống PCCC, trang thiết bị y tế, hệ thống thông tin liên lạc, điều hòa không khí và khí y tế.	39.950	29.950	10.000			39.950	29.950	10.000	MM 2022